TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 28/4/2023
V/v: *"Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Các hội thẩm nhân dân:

1) Bà Nguyễn Thị Lan.

2) Ông Lý Viết Chấn.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Vịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thụ lý số 05/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Ngô Đức D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn xx, xã E, huyện K Păc, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bị đơn: Chị Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn xx, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Anh D, chị Ngọc vắng mặt - có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Ngô Đức D trình bày:

Tôi (Ngô Đức D) và chị Lê Thị Ngọc A sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng

ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 16/07/2007.

Sau khi về chung sống với nhau do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã dẫn tới tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Đến đầu năm 2021 tôi có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác thì bị chị A phát hiện nên mâu thuẫn của vợ chồng càng trầm trọng hơn và chị A đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc và được chuyển sang thủ tục hòa giải, đối thoại. Tôi cũng đã lên Tòa án làm việc và xin lỗi chị A nhưng chị A không chấp nhận, nhưng sau đó chị A đã suy nghĩ lại và rút đơn khởi kiện về. Tuy nhiên, sau khi chị A rút đơn khởi kiện về chị A nói tha thứ cho tôi nhưng thực tế hành động của chị ấy thể hiện việc chị ấy không thể bỏ qua lỗi lầm của tôi nên cuộc sống gia đình rất ngột ngạt, nặng nề. Đến cuối năm 2021 do không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên tôi đã dọn ra ngoài ở, từ đó cho đến nay, ai biết bổn phận người đó không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa, hàng tháng tôi vẫn luôn về nhà thăm con và gửi tiền cho chị A nuôi con. Hiện nay tôi nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn cơ hội để quay về đoàn tụ nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc A.

- Tại bản tự khai ngày 06 tháng 02 năm 2023 chị Lê Thị Ngọc A trình bày:

Tôi và anh Ngô Đức D sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 16/07/2007.

Sau khi kết hôn đến năm 2021 thì vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc. Tuy thỉnh thoảng vợ chồng cũng có những mâu thuẫn bất đồng nhỏ không đáng kể. Đến đầu năm 2021 tôi phát hiện anh D có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác tôi đã chụp các tin nhắn đó lại nhưng anh D không thừa nhận. Tuy nhiên từ đó anh D ít quan tâm đến vợ con, dù tôi đã bỏ qua tha thứ cho anh D gia đình bố mẹ đã khuyên nhủ nhưng anh D không nghe. Nay anh D nộp đơn đến Tòa xin ly hôn tôi, tôi xét thấy bản thân không có lỗi gì. Nên tôi vẫn mong muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ gia đình. Trường hợp anh D nhất quyết ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Ngô Đức D và chị Lê Thị Ngọc A cùng thừa nhận: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung các cháu tên là Ngô Đức Ngọc H, sinh ngày 05/09/2008 và cháu Ngô Đức Anh T, sinh ngày 19/10/2013. Hiện tại cả hai cháu đều do chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nguyện vọng của anh D là nếu Tòa án cho vợ chồng ly hôn thì căn cứ theo nguyện vọng của các con anh D đồng ý giao cả hai con chung là cháu Ngô Đức Ngọc H và cháu Ngô Đức Anh T cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Nguyện vọng của chị A là xin được nuôi cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi tròn

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cháu Ngô Đức Ngọc H, sinh ngày 05/09/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng và cháu Ngô Đức Anh T, sinh ngày 19/10/2013 mỗi tháng 2.000.000 đồng để phụ chị A chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị A yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Ngô Đức Ngọc H, sinh ngày 05/09/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng và cháu Ngô Đức Anh T, sinh ngày 19/10/2013 mỗi tháng 2.000.000 đồng để nuôi dưỡng con cháu H, cháu T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ngô Đức D và chị Lê Thị Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 02 năm 2023 cháu Ngô Đức Ngọc H và cháu Ngô Đức Anh T đều có nguyện vọng xin được sống với mẹ là chị Lê Thị Ngọc A.

Kết quả xác minh ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại chính quyền xã Ea Kly thể hiện: Quá trình sống chung tại địa phương anh D, chị A có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì sao thì địa phương không biết. Tuy nhiên, từ đầu năm 2022 đến nay chị A, anh D không sống chung với nhau, anh D thường xuyên sống ở ngoài, ngủ tại cơ quan và chỉ về nhà để thăm con.

Tại phiên tòa anh Ngô Đức D và chị Lê Thị Ngọc A vắng mặt – có đơn xin vắng mặt.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lê Thị Ngọc A vắng mặt tại buổi công khai chứng cứ, hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh D, chị A vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D, chị A.

Về nội dung vụ án:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

<u>Đề nghị Tòa án tuyên xử:</u>

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Đức D.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Ngô Đức D ly hôn chị Lê Thị Ngọc A.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Ngô Đức Ngọc H và cháu Ngô Đức Anh T cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Ngô Đức D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc anh Ngô Đức D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cháu Ngô Đức Ngọc H, sinh ngày 05/09/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng và cháu Ngô Đức Anh T, sinh ngày 19/10/2013 mỗi tháng 2.000.000 đồng để nuôi dưỡng con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh D, chị A không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Ngô Đức D đề ngày 25/12/2022, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm anh Ngô Đức D khởi kiện bị đơn chị Lê Thị Ngọc A cư trú tại xã Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo để chị A đến Tòa án tham gia phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, nhưng chị A vắng mặt là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn anh Ngô Đức D, chị Lê Thị Ngọc A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh D, chị A.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Đức D và chị Lê Thị Ngọc A chung sống với nhau từ tháng năm 2007, trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 16/07/2007. Như vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh D, chị A sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ

chồng thường xuyên cãi nhau. Từ những mâu thuẫn nhỏ ban đầu nhưng vợ chồng không tự dàn xếp được nên mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Đến đầu năm 2021 thì chị A đã nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn anh D. Mặc dù sau đó chị A đã rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa anh D, chị A vẫn không cải thiện được. Đến cuối năm 2021 anh D và chị A đã sống ly thân nhau đến nay. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị A cho rằng chị không có lỗi gì với anh D nên chị vẫn có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình. Để có căn cứ cho việc giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền xã Ea Kly nơi anh D chị A cư trú. Kết quả xác minh xác định được cuối năm 2021 đến nay anh D và chị A sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Điều này chứng tỏ mục đích hôn nhân giữa anh D và chị A không đạt. Như vậy, mặc dù quá trình giải quyết chị A xin đoàn tụ. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền đại phương, lời khai cuả anh Ngô Đức D, thì mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh D đã thật sự trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ngô Đức D, cho anh D ly hôn chị Lê Thị Ngọc A là phù hợp

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh D, chị A có 02 con chung các cháu tên là cháu Ngô Đức Ngọc H, sinh ngày 05/09/2008 và cháu Ngô Đức Anh T, sinh ngày 19/10/2013. Hiện tại cả hai cháu đều do chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án anh D có nguyện vọng nếu Tòa án cho vợ chồng ly hôn anh D đồng ý giao cả hai con chung là cháu Ngô Đức Ngọc H và cháu Ngô Đức Anh T cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cháu Ngô Đức Ngọc H và cháu Ngô Đức Anh T cũng có nguyện vọng sống với chị A khi bố mẹ ly hôn. Bản thân chị A cũng có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung. Mặt khác từ ngày anh D chị A ly hôn đến nay cháu T và cháu H đang sống với mẹ là chị A. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu nhỏ khi bố mẹ ly hôn, trA việc xáo trộn tâm lý của các cháu. HĐXX cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao hai con chung là cháu Ngô Đức Ngọc H, sinh ngày 05/09/2008 và cháu Ngô Đức Anh T, sinh ngày 19/10/2013 cho chị Lê Thị Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp.

Anh Ngô Đức D được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản anh D thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh D tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Ngô Đức Ngọc H, sinh ngày 05/09/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng và cháu Ngô Đức Anh T, sinh ngày 19/10/2013 mỗi tháng 2.000.000 đồng để cùng chị A nuôi dưỡng con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Xét việc anh D tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung như trên hoàn toàn tự nguyên, mức cấp dưỡng nói trên phù hợp với yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc

A và không trái quy định của pháp luật. Vì vậy, HĐXX cần ghi nhận việc tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con như trên của anh D là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Ngô Đức D và chị Lê Thị Ngọc A không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3]. Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ngô Đức D.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Ngô Đức D ly hôn chị Lê Thị Ngọc A.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Đức Ngọc H, sinh ngày 05/09/2008 và cháu Ngô Đức Anh T, sinh ngày 19/10/2013 cho chị Lê Thị Ngọc A trực tiếp trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Ngô Đức D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, anh D không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc anh Ngô Đức D tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Ngô Đức Ngọc H, sinh ngày 05/09/2008 mỗi tháng 1.000.000 đồng và cháu Ngô Đức Anh T, sinh ngày 19/10/2013 mỗi tháng 2.000.000 đồng để cùng chị A nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu H và cháu T đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Anh Ngô Đức D và chị Lê Thị Ngọc A không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Anh Ngô Đức D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0016758 ngày 06/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Về quyền kháng cáo: Anh Ngô Đức D và chị Lê Thị Ngọc A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Pắc;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã E;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*